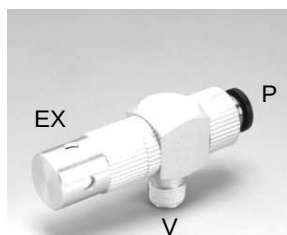
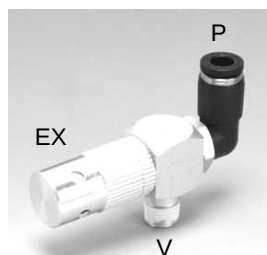


■ 真空发生器（支架直接安装式）



型号选择	喷嘴 (mm)	P (mm)	V (螺纹)	真空度 (kPa)	空气流量 (L/min)
GVCH07-016C	0.7	6	R1/8	-93	13
GVCH07-018C	0.7	8	R1/8	-93	13
GVCH10-016C	1.0	6	R1/8	-93	28
GVCH10-018C	1.0	8	R1/8	-93	28
GVCH12-016C	1.2	6	R1/8	-93	38
GVCH12-018C	1.2	8	R1/8	-93	38
GVCH15-028C	1.5	8	R1/4	-93	63
GVCH15-038C	1.5	8	R3/8	-93	63
GVCH15-0210C	1.5	10	R1/4	-93	63
GVCH15-0310C	1.5	10	R3/8	-93	63
GVCH20-028C	2.0	8	R1/4	-93	110
GVCH20-038C	2.0	8	R3/8	-93	110
GVCH20-0210C	2.0	10	R1/4	-93	110
GVCH20-0310C	2.0	10	R3/8	-93	110
GVCL07-016C	0.7	6	R1/8	-66	26
GVCL07-018C	0.7	8	R1/8	-66	26
GVCL10-016C	1.0	6	R1/8	-66	42
GVCL10-018C	1.0	8	R1/8	-66	42
GVCL15-028C	1.5	8	R1/4	-66	95
GVCL15-038C	1.5	8	R3/8	-66	95
GVCL15-0210C	1.5	10	R1/4	-66	95
GVCL15-0310C	1.5	10	R3/8	-66	95
GVCL20-028C	2.0	8	R1/4	-66	180
GVCL20-038C	2.0	8	R3/8	-66	180
GVCL20-0210C	2.0	10	R1/4	-66	180
GVCL20-0310C	2.0	10	R3/8	-66	180

■ 真空发生器（支架直接安装L型式）



型号选择	喷嘴 (mm)	P (mm)	V (螺纹)	真空度 (kPa)	空气流量 (L/min)
GVCH07-016L	0.7	6	R1/8	-93	13
GVCH07-018L	0.7	8	R1/8	-93	13
GVCH10-016L	1.0	6	R1/8	-93	28
GVCH10-018L	1.0	8	R1/8	-93	28
GVCH12-016L	1.2	6	R1/8	-93	38
GVCH12-018L	1.2	8	R1/8	-93	38
GVCH15-028L	1.5	8	R1/4	-93	63
GVCH15-038L	1.5	8	R3/8	-93	63
GVCH15-0210L	1.5	10	R1/4	-93	63
GVCH15-0310L	1.5	10	R3/8	-93	63
GVCH20-028L	2.0	8	R1/4	-93	110
GVCH20-038L	2.0	8	R3/8	-93	110
GVCH20-0210L	2.0	10	R1/4	-93	110
GVCH20-0310L	2.0	10	R3/8	-93	110
GVCL07-016L	0.7	6	R1/8	-66	26
GVCL07-018L	0.7	8	R1/8	-66	26
GVCL10-016L	1.0	6	R1/8	-66	42
GVCL10-018L	1.0	8	R1/8	-66	42
GVCL15-028L	1.5	8	R1/4	-66	95
GVCL15-038L	1.5	8	R3/8	-66	95
GVCL15-0210L	1.5	10	R1/4	-66	95
GVCL15-0310L	1.5	10	R3/8	-66	95
GVCL20-028L	2.0	8	R1/4	-66	180
GVCL20-038L	2.0	8	R3/8	-66	180
GVCL20-0210L	2.0	10	R1/4	-66	180
GVCL20-0310L	2.0	10	R3/8	-66	180

